

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2023/HC-PT

Ngày: 07 - 9 - 2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 300/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3005/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1. Cùng trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L1: Bà Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1981; Cư trú tại: A P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (ông L, bà L1): Luật sư Bùi Văn P thuộc Công ty L3; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K – Phó Chủ tịch; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K – Phó Chủ tịch, có Đơn xét xử vắng mặt .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vàng V – Công chức địa chính Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã T; vắng mặt.

2. Ông Trình Công T, sinh năm 1995. Cư trú tại: Xóm B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1987. Cư trú tại: Xóm B, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị Thúy O, sinh năm 1990; vắng mặt.

5. Anh Văn Thành V1, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm B, thôn T, T, huyện T, tỉnh tỉnh Bình Định.

6. Chị Lê Thị S, sinh năm 1994. Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

7. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1970; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1969; vắng mặt.

9. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1986; vắng mặt.

10. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1992; vắng mặt.

11. Chị Trần Thị Loan P2, sinh năm 1997; vắng mặt.

12. Cháu Trần Trọng N1, sinh năm 2016; vắng mặt.

13 Cháu Trần Thị Thảo N2, sinh năm 2011; vắng mặt.

14. Cháu Trần Hưng T4, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Trần Văn L, bà Lê Thị L1 và người có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Lệ N trình bày:

Vào năm 1993, vợ chồng ông, bà có khai hoang 400m² đất tại xóm A thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định. Năm 2003, vợ chồng ông, bà được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 160m², còn

240m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông, bà đã canh tác trồng cây lâu năm là cây bạch đàn (đường kính 20-30cm).

Đầu năm 2021, cha con ông L2 ở xóm B, T, xã T ngang nhiên đem trụ bê tông và dây kẽm gai đến nhà ông, bà rào phần đất ông, bà đã trồng cây bạch đàn vì cho rằng đất này ông L2 đã được UBND xã giao cho ông và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/02/2021, ông có làm đơn khiếu nại đến UBND xã T. Qua làm việc với UBND xã cùng các ngành liên quan yêu cầu ông, bà trả lại thửa đất mà ông, bà khai hoang để giao lại cho người khác trước ngày 15/02/2021 đồng thời bồi thường cho ông, bà 2.500.000đ nhưng ông, bà không đồng ý.

Ngày 18/5/2021, ông tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND huyện T và được giải quyết bằng Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 nội dung công nhận việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 Công Trị là đúng quy định của pháp luật. Vì lý do trên, ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T trả lại diện tích 240m² đất đã thu hồi của ông bà. Gia đình ông, bà không nhận thông báo nào từ việc đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn K – Phó chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Ngày 27/9/2000, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 2142/UB-NN về việc xử lý hợp pháp hóa quyền sử dụng đất ở đối với các trường hợp dân đã xây dựng nhà ở nhưng chưa được giao đất. Trên cơ sở đó, ngày 06/6/2001, UBND xã T tổ chức họp xét các hộ chiếm đất xây dựng nhà ở nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất trên địa bàn xã T với sự tham gia của Phòng Địa chính huyện (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T) và Chi cục Thuế huyện, theo đó cuộc họp đã thống nhất xét 41 hộ dân được hợp pháp hóa quyền sử dụng đất ở trong đó có hộ ông Trần Văn L, diện tích được xét 160m², năm xây dựng: 2000, mức thu 100%, không đề nghị xử lý hành chính. Tại thời điểm xét nguồn gốc sử dụng đất của ông Trần Văn L được UBND xã T và các cơ quan chức năng xác định có nguồn gốc tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4, loại đất Hg (đất hoang chưa sử dụng, do UBND xã quản lý) tổng diện tích 8.595m², trong đó ông Trần Văn L lấn chiếm sử dụng 1.033m² (lấn chiếm cát nhà được xét hợp pháp hóa 160m², lấn chiếm trồng bạch đàn diện tích 873m²), diện tích 8.435m² còn lại thuộc U (tại thời điểm xét đối với trường hợp lấn chiếm của ông Trần Văn L thì diện tích 873m² lấn chiếm trồng cây bạch đàn

không thu hồi vì hiện trạng diện tích đất này không bằng phẳng nên UBND xã T không đưa vào mục đích đất công ích để thu thuế nên để ông Trần Văn L được tạm thời sử dụng đến khi nhà nước thu hồi đất theo quy định).

Ngày 16/7/2001, UBND xã T niêm yết công khai danh sách các hộ dân được hợp pháp hóa quyền sử dụng đất ở, trong đó có trường hợp của ông Trần Văn L, diện tích sử dụng 160m², năm xây dựng: 2000, mức thu 100%, hạng đất: 6B, số tiền phải nộp: 3.200.000 đồng. Ngày 27/10/2001, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1050/QĐ-UB về việc hợp pháp hóa quyền sử dụng đất.

Ngày 24/11/2015, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4911/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng, hộ ông L được bồi thường, hỗ trợ số tiền 2.658.100 đồng, các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ xong riêng hộ ông Trần Văn L vẫn chưa thống nhất nhận tiền bồi thường hỗ trợ và giao trả đất cho Nhà nước theo quy định.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 Công Trị và ông Văn Thành V1:

Trên cơ sở các Quyết định, Văn bản của UBND tỉnh B về việc xét giao đất ở khu dân cư. UBND xã T đã tiến hành niêm yết công khai danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất ở năm 2016. Và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị nào. Theo đó ông T5 Công Trị được xét lô đất số 04, thửa đất số 2097, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại khu vực Cầu C và ông Văn Thành V1 được xét lô đất số 05, thửa đất số 2098, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại khu vực Cầu C. Ngày 25/4/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 1769/QĐ-UBND về việc giao đất để xây dựng nhà ở đối với ông Văn Thành V1. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính, ông Văn Thành V1 được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CI266502, sổ vào sổ CH01896 đối với thửa đất số 2098, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại thôn T, xã T, huyện T thừa (có nguồn gốc đất từ thửa số 252, diện tích 61m² và thửa đất số 271, diện tích 119m², trước khi quy hoạch khu dân cư xóm A, thôn T, xã T).

Ngày 25/4/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 1770/QĐ-UBND về việc giao đất để xây dựng nhà ở đối với ông Trình Công T. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính, ông Trình Công T được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CI428441, sổ vào sổ CH02001 đối với thửa đất số 2097, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại thôn T, xã T, huyện T thừa (có nguồn gốc đất từ thửa số 252, diện tích 122m² và thửa đất số 271, diện tích 58m², trước khi quy hoạch khu dân cư xóm A, thôn T, xã T).

Việc sử dụng đất của ông Trần Văn L tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04, loại đất hg diện tích 8.595m² có nguồn gốc do gia đình ông lấn chiếm sử dụng 1.033m² (xây dựng nhà ở và trồng cây bạch đàn). Việc lấn chiếm này đã được UBND huyện xem xét hợp pháp hóa diện tích 160m² (đất ở) được cấp Giấy CNQSDĐ và xem xét không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trình Công T và ông Văn Thành V1 là đúng quy định của pháp luật.

Đến nay, hộ ông Trần Văn L vẫn chưa thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa tiến hành thu dọn cây cối, hoa màu trên đất khi nhà nước thực hiện thu hồi đất là trái quy định tại khoản 7 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại Điều 51 của Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh B ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh B).

Trên cơ sở đó việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L tại Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định của pháp luật nên việc ông Trần Văn L, bà Lê Thị L1 yêu cầu UBND huyện T trả 240m² đất đã thu hồi của ông, bà là không có căn cứ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định do đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn C – chủ tịch UBND xã T trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4, loại đất hoang, tổng diện tích 8.595m², trong đó ông Trần Văn L lấn chiếm sử dụng 1.033m² (lấn chiếm cát nhà được xét hợp pháp hóa 160m², lấn chiếm trồng bạch đàn diện tích 873m²), diện tích 8.435m² còn lại thuộc U (tại thời điểm xét đối với trường hợp lấn chiếm của ông Trần Văn L thì diện tích 873m² lấn chiếm trồng cây bạch đàn không thu hồi vì hiện trạng diện tích đất này không bằng phẳng nên UBND xã T không đưa vào mục đích đất công ích để thu thuế nên đề ông Trần Văn L được tạm thời sử dụng đến khi nhà nước thu hồi đất theo quy định). Năm 2016 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 về việc giao đất cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện T để xây dựng khu dân cư xã T. UBND xã T lập phương án xét giao đất ở khu dân cư trên địa bàn xã và được UBND huyện T thống nhất tại Văn bản số 360/UBND-KTN ngày 15/8/2016 về việc thống nhất xét giao đất ở khu dân cư năm 2016 xã T; đồng thời UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông T5 Công Trị và ông Văn Thành V1 đúng theo quy định. Trên cơ sở đó UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L là đúng quy định của pháp luật.

4. Tại bản tự khai ngày 06/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 Công Trị trình bày:

Từ ngày 3/4/2016, UBND huyện T đã phê duyệt xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/7/2016, thửa đất số 2097, tờ bản đồ số 13 tại Xóm B, thôn T, xã T, huyện T số tiền nộp ngân sách nhà nước là 83.000.000đ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay không sử dụng đất được vì vợ chồng ông Trần Văn L cản trở, tôi đã thông báo cho UBND

huyện T nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết, do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

5. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Thành V1, chị Phạm Thị Thúy O trình bày:

Thửa đất số 2098, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Văn Thành V1 và bà Phan Thị Thúy O1 số vào sổ CH01896 ngày 26/7/2017 hiện nay vợ chồng tôi đang sử dụng đúng quy định vì thửa đất trên vợ chồng tôi mua đấu giá hợp pháp. Sổ cây bạch đàn của ông Trần Văn L trồng trên thửa đất của tôi hiện nay ông L bảo quản, quản lý và tự ông L khai thác, tôi không có yêu cầu gì.

6. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T1 trình bày:

Thửa đất số 2097, tờ bản đồ số 13 diện tích 180m² tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Trình Công T và bà Lê Thị S vào ngày 30/11/2017, vợ chồng ông T, bà S đã chuyển nhượng lại cho tôi và tôi đã được Sở T6 cấp sổ. Việc chuyển nhượng đất của vợ chồng ông T, bà S đang sử dụng đúng quy định của pháp luật. Sổ cây bạch đàn của ông Trần Văn L trồng trên thửa đất của tôi hiện nay ông L bảo quản, quản lý và tự ông L khai thác, tôi không có yêu cầu gì. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị S, ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị P1, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị T3, chị Trần Thị Loan P2, cháu Trần Trọng N1, cháu Trần Thị Thảo N2, cháu Trần Hưng T4 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, Điều 30; Điều 32; Điều 116, Điều 157, Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Nghị định số 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại ngày 11/11/2011, Thông tư số 60/2014/TT-BTNMT ngày 18/11/2014 của Bộ C1.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, bà Lê Thị L1 yêu cầu hủy Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T và buộc UBND huyện T trả lại diện tích 240m² đất đã thu hồi của ông bà; gia đình ông, bà không nhận thông báo nào từ việc đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 3/10/2022, ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1 kháng cáo với nội dung: Kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm: - Hủy toàn bộ Quyết định số 4917/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, Hủy một phần Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 1/7/2016 của chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trình Công T, bà Lê Thị S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Văn Thành V1, bà Phạm Thị Thúy O; hủy toàn bộ quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 9/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy toàn bộ quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 9/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án (tháng 6/2022) người khởi kiện đã yêu cầu Hủy toàn bộ Quyết định số 4917/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, Hủy một phần Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 1/7/2016 của chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trình Công T, bà Lê Thị S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Văn Thành V1, bà Phạm Thị Thúy O; và yêu cầu TAND tỉnh thu thập chứng cứ tại địa phương nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất ý kiến của người bảo vệ, và trình bày thêm tại phiên Hòa giải tại Tòa án Tôi đã trình bày yêu cầu xem xét các quyết định và yêu cầu thu thập chứng cứ nhưng không được giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm đã xét xử và quyết định là đúng pháp luật, người khởi kiện ông Trần Văn L kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ ba, người bị kiện có Đơn xét xử vắng mặt, những người liên quan khác vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1, thấy:

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào đơn khởi kiện của người khởi kiện thụ lý vụ án hành chính với yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 9/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L, buộc UBND huyện T trả lại 240 m² đất cho ông Trần Văn L. Tại bản tự khai ngày 23/8/2022 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị L1 (BL 301) trình bày: “..., nay tôi viết đơn này yêu cầu TAND tỉnh Bình Định giải quyết những vấn đề sau đây đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: - Yêu cầu hủy quyết định 4423/QĐ-UBND ngày 9/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L, yêu cầu hủy Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 1/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định...”; Tòa án sơ thẩm không thụ lý và bổ sung các yêu cầu của người khởi kiện theo quy định tại Điều 8 LTTHC và giải quyết trong cùng vụ án là thiếu sót, sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét: Hủy toàn bộ Quyết định số 4917/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, Hủy một phần Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 1/7/2016 của chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trình Công T, bà Lê Thị S; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Văn Thành V1, bà Phạm Thị Thúy O; nhưng toàn bộ các quyết định trên chưa được cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết. Mặt khác, Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND huyện T phải trả lại 240 m² đất cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1 là không đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính; nguyên nhân của việc thụ lý thiếu sót và không đúng có lỗi của người khởi kiện, Tòa án sơ thẩm thiếu sót là khách quan. Để xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến diện tích đất của gia đình ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1 đang sử dụng nhưng UBND huyện T giao cho người khác, Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

[3] Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn L và bà Lê Thị L1.

Tuyên xử:

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại.

Về án phí hành chính: Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn